

| Nội dung   |   | Vị trí gần cửa hầm hàng<br>(11, 12, 33, 41, 42) | Vị trí bên trong hầm hàng<br>(21, 22, 23, 31, 32) |
|--|---|---|---|
| Thời gian cắt hành lý hầm 5  |   | 1,5 phút/1kiện                                  | 1,5 phút/1kiện                                    |
| Thời gian dỡ/chất xếp lại hành lý<br>trong thùng (phút)  | Vị trí phía trên thùng hành lý (2)  | 4   |   |
|  | Vị trí từ giữa đến cuối thùng hành lý (3)   |   | 7   |
| Thời gian di chuyển thùng hành lý ra khỏi hầm hàng<br>đến vị trí dỡ hành lý và chất lại vị trí trong hầm hàng (phút) (4) |   | 3   | 5   |
| Trong 1 thùng hành lý  | Tổng thời gian cắt hành lý phía trên cùng<br>thùng (phút)                                 | 7   | 9   |
|  | Tổng thời gian cắt hành lý phía giữa đến cuối<br>thùng (phút)<br>(6)=(3)+(4)              | 10  | 12  |
| Trong 2 thùng hành lý cùng 1 hầm hàng  | Tổng thời gian cắt hành lý phía trên cùng<br>thùng  | 11  | 13  |
|  | Tổng thời gian cắt hành lý phía giữa đến cuối<br>thùng (phút)<br>(8)=(3)*(2)+(4)          | 17  | 19  |
| Trong 2 thùng hành lý khác hầm hàng  | Tổng thời gian cắt hành lý phía trên cùng<br>thùng  | 12.5  | 15.5  |
|  | Tổng thời gian cắt hành lý phía giữa đến cuối<br>thùng (phút)<br>(10)=(2)*(2)+(4)+1/2*(4) | 18.5  | 21.5  |

### Ghi chú

- Thời gian OFL hành lý tại Bảng tham chiếu được tính từ thời gian HDCX triển khai nhân viên bốc xếp/nhân viên PVSĐ tiến hành OFL hành lý.
- Tiêu chuẩn thời gian cắt hành lý tại tàu bay áp dụng không giới hạn số lượng hành lý phải cắt trong cùng 1 thùng. Trong trường hợp TTB đã rút, thời gian sẽ được cộng thêm 2 phút khi tiếp cận hầm hàng.
- Trường hợp cắt hành lý trong 3 thùng trở lên sẽ được tính bằng tổng thời gian cắt trong 2 thùng hành lý cộng thêm thời gian dỡ/chất lại hành lý trong 1 thùng.